

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ
CÔNG ÍCH QUẬN 9**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
<u>Hội đồng thành viên</u>	
Bà Trần Thị Ngọc Tuyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Tuấn	Thành viên
Ông Võ Đại Long	Thành viên
<u>Ban Giám đốc</u>	
Ông Nguyễn Thành Tuấn	Giám đốc
Ông Võ Đại Long	Phó Giám đốc
<u>Kiểm soát viên</u>	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Kiểm soát viên

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thành Tuấn, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Lô Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



NGUYỄN THÀNH TUẤN - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 36 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác liên quan đến các khoản công nợ phải thu và phải trả (xem Thuyết minh số V.3 và số V.14). Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu của các chỉ tiêu này.

Đồng thời, Chúng tôi vẫn chưa nhận được các hồ sơ, chứng từ có liên quan đến việc trích trước các khoản chi phí vận chuyển rác và chi phí thu gom rác số tiền là 5.549.585.488 VND (xem Thuyết minh số V.13).

Ngoài ra, Công ty vẫn chưa ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm liên quan đến chi phí dự phòng chưa được trích lập cho các khoản phải thu khách hàng lâu, khó đòi (xem Thuyết minh số V.3) và giá trị các công trình đã hoàn thành từ các năm trước (xem Thuyết minh số V.5).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ngoài việc không đưa ra thêm ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Công ty chưa đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được cho các công trình tái định cư. Hiện tại, các công trình này đã quá thời gian thực hiện so với chủ trương dự kiến ban đầu của chủ đầu tư (xem Thuyết minh số V.5).
- Trong nguyên giá của Bất động sản đầu tư trên Báo cáo tài chính của Công ty đang quản lý và theo dõi nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định từ các năm trước có một phần nguyên giá được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty với số tiền tương ứng là 2.464.539.871 VND (xem Thuyết minh số V.8). Tuy nhiên cho đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành trích khấu hao đối với khoản bất động sản đầu tư này.

Ý kiến kiểm toán của Chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0787-2018-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.205.298.421.973	1.208.219.873.122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.788.771.313	17.604.428.297
1. Tiền	111		6.718.602.210	16.586.214.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.070.169.103	1.018.213.544
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.977.710.266	7.749.009.537
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	7.977.710.266	7.749.009.537
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.479.552.762	82.000.220.032
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41.910.717.181	47.556.525.049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		167.000.000	481.126.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	26.401.835.581	33.962.568.983
IV. Hàng tồn kho	140		1.120.853.184.764	1.100.667.012.388
Hàng tồn kho	141	V.5	1.120.853.184.764	1.100.667.012.388
V. Lợi nhuận (lỗ) khác	150		199.202.868	199.202.868
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	199.202.868	199.202.868
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.779.553.509	152.482.558.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.877.393.884	38.806.438.841
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	36.877.393.884	38.806.438.841
Nguyên giá	222		65.082.430.645	63.876.618.455
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.205.036.761)	(25.070.179.614)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
Nguyên giá	228		33.000.000	33.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.000.000)	(33.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	100.501.342.835	107.031.890.000
Nguyên giá	231		101.109.437.796	107.639.984.961
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(608.094.961)	(608.094.961)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.400.816.790	6.644.229.363
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.9	6.400.816.790	6.644.229.363
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.349.077.975.482	1.360.702.431.326

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.234.119.082.591	1.239.708.537.880
I. Nợ ngắn hạn	310		252.502.748.171	245.237.467.271
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	21.590.918.543	41.225.728.137
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	13.574.831.228	8.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	23.956.537.195	31.119.047.459
4. Phải trả người lao động	314		4.879.081.811	4.495.625.145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	65.010.065.323	45.623.873.761
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	90.958.906.396	89.706.860.980
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	30.000.000.000	30.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.532.407.675	3.058.331.789
II. Nợ dài hạn	330		981.616.334.420	994.471.070.609
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	290.489.167.721	302.659.796.295
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	388.146.981.800	338.120.941.800
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	302.553.708.987	353.368.104.864
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	426.475.912	322.227.650
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.958.892.891	120.993.893.446
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	15.799.348.820	15.260.205.812
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.015.091.520	10.656.920.542
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.245.114.292	2.245.114.292
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		539.143.008	2.358.170.978
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.20	99.159.544.071	105.733.687.634
1. Nguồn kinh phí	431		514.646.146	558.242.544
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		98.644.897.925	105.175.445.090
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.349.077.975.482	1.360.702.431.326

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN THÀNH TUẤN
Giám đốc

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG
Kế toán trưởng

TRẦN TRUNG CHÂN
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	90.282.748.880	87.557.392.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.282.748.880	87.557.392.896
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.889.905.787	68.615.553.138
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.392.843.093	18.941.839.758
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	249.129.943	322.271.929
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.075.854.842	1.436.273.569
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.075.854.842	1.436.273.569
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	10.283.087.570	11.229.535.732
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.283.030.624	6.598.302.386
11. Thu nhập khác	31		92.219.576	504.288.644
12. Chi phí khác	32		4.556.400	2.450.250.494
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	87.663.176	(1.945.961.850)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.370.693.800	4.652.340.536
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	431.566.187	1.045.947.139
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.9	243.412.573	(65.854.787)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.695.715.040</u>	<u>3.672.248.184</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN THÀNH TUẤN
Giám đốc

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG
Kế toán trưởng

TRẦN TRUNG CHẤN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.370.693.800	4.652.340.536
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.262.525.957	4.031.038.018
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(334.012.279)	(826.214.294)
- Chi phí lãi vay	06		1.075.854.842	1.436.273.569
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.375.062.320	9.293.437.829
- Giảm các khoản phải thu	09		13.520.667.270	8.318.265.103
- Tăng hàng tồn kho	10		(742.564.842)	(11.826.016.964)
- Tăng các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	27.810.209.681	17.152.597.901
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(2.527.854.842)	(4.270.148.569)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(500.000.000)	(63.295.960)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.534.089.351	3.695.413.350
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.260.181.895)	(4.824.621.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.209.427.043	17.475.631.314
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.333.481.000)	(4.636.363.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		102.363.636	899.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII	-	(7.478.102.046)
4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	20.429.214	82.115.138
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.210.688.150)	(11.133.259.635)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(50.814.395.877)	(1.420.099.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50.814.395.877)	(1.420.099.320)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.815.656.984)	4.922.272.359
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	17.604.428.297	12.682.155.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7.788.771.313	17.604.428.297

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN THANH TUẤN
Giám đốc

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG
Kế toán trưởng

TRẦN TRUNG CHẤN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 tiền thân là Công ty Quản lý và Phát triển Đô thị Quận 9, là Công ty thuộc sở hữu vốn Nhà nước, được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4106000197 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2006. Công ty được chuyển đổi thành “Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9” theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301469483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 9 năm 2010.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2014, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 1, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.573.000.000 VND lên 10.640.205.907 VND và bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

- **Vốn điều lệ** : 10.640.205.907 VND
- **Chủ sở hữu** : Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (084) 3730 7199

Fax : (084) 3897 3318

Mã số thuế : **0 3 0 1 4 6 9 4 8 3**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Quản lý, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông, công trình đô thị, dịch vụ công cộng theo phân cấp và chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước. Thi công các công trình giao thông. Quản lý, cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp giao Quận quản lý theo qui định. Giải tỏa, di dời và bố trí tái định cư theo quy hoạch của Thành phố. Đầu tư xây dựng các dự án dân cư. Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước đô thị. Nạo vét kênh rạch - hệ thống thoát nước. Dịch vụ đo đạc bản đồ. Dịch vụ đo vẽ nhà, đất. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); thiết kế xây dựng công trình công nghiệp. Giám sát thi công công trình công nghiệp. Tư vấn lập dự án đầu tư, đấu thầu. Thi công công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ mai táng, cải táng, hỏa táng. Xây dựng, quản lý nghĩa trang. Xử lý rác thải độc hại, rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở). Thu gom, vận chuyển rác thải độc hại, rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà trọ. Dịch vụ thương mại.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phân loại lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.3).

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 247 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 216 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Riêng lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhận từ các dự án thì ghi nhận tăng phải trả tiền giữ hộ cho các dự án.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, các khoản phải thu không mang tính thương mại như phải thu cổ phần hóa, phải thu chi hộ tiền quản lý nhà, phải thu hộ tiền bán căn hộ chung cư tái định cư, tạm ứng nhân viên, ký quỹ, ký cược, phải thu các khoản bảo hiểm và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	3 - 30
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán. Giá trị của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà sở hữu nhà nước, kiot do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

Ngoài ra, bất động sản của Công ty còn bao gồm giá trị nhà, chung cư thuộc sở hữu Nhà nước do Công ty quản lý, Công ty không thực hiện trích khấu hao và không đánh giá các bất động sản này vào ngày lập Báo cáo tài chính.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản giữ hộ, phải nộp về các khoản bảo hiểm, KPCĐ, phải trả Ban Bồi thường Quận 9, các khoản nhận góp vốn kinh doanh, vốn NSNN cấp cho công trình tái định cư, nhận ký quỹ, ký cược và các khoản phải trả khác.

12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học và công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

13. Vốn chủ sở hữu và trích lập các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được Ngân sách Nhà nước cấp.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

16. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,...).

17. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	35.882.258	273.834.764
Tiền gửi ngân hàng	6.682.719.952	16.312.379.989
Các khoản tương đương tiền	<u>1.070.169.103</u>	<u>1.018.213.544</u>
Cộng	<u>7.788.771.313</u>	<u>17.604.428.297</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn				
Tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Quận 9	<u>7.977.710.266</u>	<u>7.977.710.266</u>	<u>7.749.009.537</u>	<u>7.749.009.537</u>
Cộng	<u>7.977.710.266</u>	<u>7.977.710.266</u>	<u>7.749.009.537</u>	<u>7.749.009.537</u>

Các khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Quận 9 kỳ hạn 4 tháng và 12 tháng với lãi suất tương ứng là 4,6%/năm và 6,7%/ năm.

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 9	16.349.434.430	9.502.581.478
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	145.541.503	145.541.503
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TPHCM	6.613.598.912	6.613.598.912
Công nợ tồn đọng nhà thuộc SHNN	2.734.959.108	2.734.959.108
Phòng tài chính	11.544.795.893	12.378.066.263
Phòng Quản lý Đô Thị Quận 9	-	5.200.075.351
Phòng Tài Nguyên và Môi Trường Quận 9	3.872.583.653	10.750.114.337
Các khách hàng khác	<u>649.803.682</u>	<u>231.588.097</u>
Cộng (*)	<u>41.910.717.181</u>	<u>47.556.525.049</u>

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận là 31.766.813.976 VND.

Trong đó, chi phí dự phòng ước tính liên quan đến các công nợ lâu, khó đòi là 1.513.021.057 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bảo hiểm xã hội	719.881	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	14.570.667	-	-	-
Phải thu cổ phần hóa	474.977.509	-	463.077.509	-
Tạm ứng nhân viên Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM	7.578.171.575	-	28.598.019.939	-
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 9	6.079.477.673	-	-	-
Đội Công trình Công Cộng	100.000.000	-	1.000.000.000	-
2% phí quản lý chung cư	2.327.398.232	-	2.285.897.361	-
Ông Bùi Văn Tùng	300.000.000	-	300.000.000	-
Ông Đoàn Minh Bền	1.084.110.500	-	1.084.110.500	-
Ký cược, ký quỹ	600.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.258.094.729	-	231.463.674	-
Cộng	26.401.835.581	-	33.962.568.983	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</i>				
Chi phí xây dựng	2.729.702.835	-	2.729.702.835	-
Chi phí nạo vét hệ thống thoát nước, duy tu, sửa chữa	3.315.981.689	-	2.252.399.365	-
Chi phí vệ sinh, môi trường	7.172.102.008	-	5.425.058.923	-
Chi phí chăm sóc công viên, cây xanh	859.001.640	-	-	-
Chi phí QL nhà SHNN	395.382.976	-	-	-
Chi phí tái định cư (i)	1.106.381.013.616	-	1.090.115.148.765	-
Chi phí khác	-	-	144.702.500	-
Cộng (ii)	1.120.853.184.764	-	1.100.667.012.388	-

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã sử dụng giá trị đầu tư vào Chung cư tái định cư Hiệp Phú và Khu Công nghiệp Long Sơn tương ứng số tiền là 124.290.454.254 VND và 429.589.619.459 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 123.971.546.317 VND và 412.947.986.126 VND) để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Quỹ Phát triển Nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch (xem Thuyết minh số V.15).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do không có đủ thông tin Công ty chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được cho các công trình khu tái định cư. Thời gian thực hiện các công trình này hầu hết đã dài hơn so với chủ trương dự kiến ban đầu của chủ đầu tư.

- (ii) Trong đó, các công trình đã hoàn thành nhưng chưa kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.056.683.162 VND.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	32.837.310.467	539.165.324	30.087.232.864	412.909.800	63.876.618.455
Tăng trong năm	-	-	2.333.481.000	-	2.333.481.000
Mua sắm mới	-	-	2.333.481.000	-	2.333.481.000
Giảm trong năm	-	-	1.127.668.810	-	1.127.668.810
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.127.668.810	-	1.127.668.810
Số cuối năm	32.837.310.467	539.165.324	31.293.045.054	412.909.800	65.082.430.645
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	12.897.318.579	539.165.324	11.238.294.236	395.401.475	25.070.179.614
Tăng trong năm	1.505.950.348	-	2.739.067.284	17.508.325	4.262.525.957
Khấu hao trong năm	1.505.950.348	-	2.739.067.284	17.508.325	4.262.525.957
Giảm trong năm	-	-	1.127.668.810	-	1.127.668.810
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.127.668.810	-	1.127.668.810
Số cuối năm	14.403.268.927	539.165.324	12.849.692.710	412.909.800	28.205.036.761
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.939.991.888	-	18.848.938.628	17.508.325	38.806.438.841
Số cuối năm	18.434.041.540	-	18.443.352.344	-	36.877.393.884
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
Số đầu năm	1.588.193.713	539.165.324	2.696.560.137	355.609.800	5.179.528.974
Số cuối năm	2.591.395.736	539.165.324	1.568.891.327	412.909.800	5.112.362.187

Như trình bày tại Thuyết minh số V.15, Công ty đã thế chấp 2 xe ép rác với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.078.381.790 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.961.527.250 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay dài hạn Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 9.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán là 33.000.000 VND, đã khấu hao hết tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Bất động sản đầu tư**

	Bất động sản đầu tư cho thuê (i)	Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (ii)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.337.872.596	102.302.112.365	107.639.984.961
Tăng trong năm	-	1.963.763.920	1.963.763.920
<i>Tăng do xác định lại giá trị nhà thuộc sở hữu Nhà nước</i>	-	1.963.763.920	1.963.763.920
Giảm trong năm	-	8.494.311.085	8.494.311.085
<i>Bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước</i>	-	8.494.311.085	8.494.311.085
Số cuối năm	5.337.872.596	95.771.565.200	101.109.437.796
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	608.094.961	-	608.094.961
Tăng trong năm	-	-	-
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	608.094.961	-	608.094.961
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.729.777.635	102.302.112.365	107.031.890.000
Số cuối năm	4.729.777.635	95.771.565.200	100.501.342.835

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê thể hiện phần giá trị của các khu nhà tạm cư, nhà làm việc thuộc sở hữu Nhà nước, trong đó bao gồm nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 608.094.961 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 608.094.961 VND).

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị nhà, chung cư thuộc sở hữu Nhà nước do Công ty quản lý, đã được bán và điều chỉnh tăng trong năm (Xem thêm thuyết minh V.20). Công ty không thực hiện trích khấu hao và không đánh giá các bất động sản này vào ngày lập Báo cáo tài chính.

Trong nguyên giá của Bất động sản đầu tư trên Báo cáo tài chính của Công ty đang quản lý và theo dõi nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định từ các năm trước có một phần nguyên giá được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty với số tiền tương ứng là 2.464.539.871 VND (theo Quyết định 46/QĐ-UB-TCKH ngày 24 tháng 01 năm 2005). Tuy nhiên cho đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành trích khấu hao đối với khoản bất động sản đầu tư này.

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận liên quan đến số tiền tạm thu từ hộ dân và vốn ngân sách Nhà nước cấp của các dự án tái định cư qua các năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.644.229.363	6.578.374.576
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(243.412.573)	65.854.787
Số cuối năm	6.400.816.790	6.644.229.363

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Đức Phong Công ty TNHH Thương mại Kim Quý	6.468.310.934	6.468.310.934	6.468.310.934	6.468.310.934
Công ty TNHH MTV Ngân Sơn	380.100.000	380.100.000	518.100.000	518.100.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức	2.098.188.399	2.098.188.399	2.414.961.983	2.414.961.983
Ông Châu Tiếng Tri Công ty TNHH TM DV Thi Công Xây Dựng Cầu Đường Hồng An	673.543.670	673.543.670	374.081.350	374.081.350
Tổng Công ty Cơ khí Giao Thông Vận tải Sai Gòn	-	-	18.776.510.121	18.776.510.121
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa Các nhà cung cấp khác	422.500.240	422.500.240	-	-
Cộng	5.300.000.000	5.300.000.000	5.809.667.000	5.809.667.000
	698.275.300	698.275.300	2.274.096.749	2.274.096.749
Cộng	21.590.918.543	15.122.607.609	41.225.728.137	34.757.417.203

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban QLDA Khu Lịch Sử VHDT	7.000.000.000	-
Khu TĐC Long Sơn - P. Long Bình	2.267.247.261	-
Thu tiền nhà thuộc SHNN Khu TĐC Long Bửu (giai đoạn 2) phường Long Bình & Long Thạnh Mỹ	545.877.464	-
Thu hộ Kiot Chung Cư C3C4	763.492.000	-
Thu hộ Ki ốt Chung Cư C5C6	768.000.000	-
Các khách hàng khác	786.500.000	-
Cộng	13.574.831.228	8.000.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	19.872.392.496	4.825.473.154	11.684.467.295	13.013.398.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.549.291.319	431.566.187	500.000.000	5.480.857.506
Thuế thu nhập cá nhân	90.354.219	36.300.000	-	126.654.219
Thuế nhà đất, Tiền thuê đất	271.382.310	267.157.277	538.539.587	-
Phí, lệ phí và các khoản phải	5.136.424.247	3.000.000	3.000.000	5.136.424.247

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
nộp khác				
<i>Thuế môn bài</i>	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Điều chỉnh giảm theo tờ khai thuế</i>	(199.202.868)	-	-	(199.202.868)
<i>Phải trả khoản thu tiền nhà thuộc sở hữu Nhà nước</i>	5.335.627.115	-	-	5.335.627.115
Cộng	30.919.844.591	5.563.496.618	12.726.006.882	23.757.334.327

Trình bày trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	199.202.868	199.202.868
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.119.047.459	23.956.537.195

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả thực hiện công trình/ dự án	56.586.428.643	37.868.821.109
Chi phí lãi vay phải trả cho hoạt động kinh doanh	2.386.948.692	1.311.103.850
Chi phí vận chuyển rác (*)	4.592.810.488	4.499.585.488
Chi phí thu gom rác (*)	1.080.000.000	1.168.710.000
Chi phí quản lý nhà	-	190.500.000
Chi phí các công trình xây dựng, sửa chữa	363.877.500	585.153.314
Cộng	65.010.065.323	45.623.873.761

(*) Các chi phí phải trả chưa nhận được hồ sơ, chứng từ 5.549.585.488 VND.

14. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	90.958.906.396	89.706.860.980
Kinh phí công đoàn	119.631.824	35.376.000
Bảo hiểm xã hội	32.187.456	-
Ban bồi thường Quận 9	60.551.417.009	59.916.616.827
Các khoản phải trả khác	30.255.670.107	29.754.868.153
b) Dài hạn	388.146.981.800	338.120.941.800
Nhận góp của Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa tư nhân Triều An	214.086.645.000	164.086.645.000
Vốn NSNN cấp cho công trình Khu tái định cư Long Bửu giai đoạn 1	116.139.329.000	116.139.329.000
Vốn NSNN cấp cho công trình khu tái định cư Long Sơn	57.489.967.800	57.489.967.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	431.040.000	405.000.000
Cộng (*)	479.105.888.196	427.827.802.780

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận là 35.300.369.000 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngắn hạn ông Nguyễn Hữu Tài (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
b) Vay dài hạn	353.368.104.864	353.368.104.864	-	(50.814.395.877)	302.553.708.987	302.553.708.987
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Quận 9 (ii)	27.981.077.064	27.981.077.064		(714.395.877)	27.266.681.187	27.266.681.187
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Mỹ Thành (iii)	16.289.500.000	16.289.500.000	-	(100.000.000)	16.189.500.000	16.189.500.000
Vay dài hạn Quỹ Phát triển Đầu tư Nhà ở thành phố Hồ Chí Minh (iv)	83.707.527.800	83.707.527.800	-	-	83.707.527.800	83.707.527.800
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (v) (*)	225.390.000.000	225.390.000.000	-	(50.000.000.000)	175.390.000.000	175.390.000.000
Cộng	383.368.104.864	383.368.104.864	-	(50.814.395.877)	332.553.708.987	332.553.708.987

Chi tiết các khoản vay của Công ty tại thời điểm ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

- (i) Vay ngắn hạn ông Nguyễn Hữu Tài theo Hợp đồng vay tiền số 91/HĐVT-CTY ngày 29 tháng 7 năm 2013 và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Số tiền vay là 30.000.000.000 VND cho mục đích thi công các dự án tái định cư (Khu tái định cư Long Bửu giai đoạn 2). Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay theo lãi suất bình quân của Vietinbank và Agribank Chi nhánh 9, lãi suất năm 2019 áp dụng là 9,9%/năm (năm 2018: 9,9%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 9 theo Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Quận 9, lãi suất vay áp dụng theo quy định của Ngân hàng với chi tiết như sau:
- Hợp đồng số 6300-LAV-200901323 ngày 15 tháng 6 năm 2009 có thời hạn là 10 năm với hạn mức là 12.000.000.000 VND, mục đích vay để xây dựng trụ sở Công ty. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.743.071.665 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.977.467.542 VND). Khoản vay không có đảm bảo.
 - Hợp đồng số 6300-LAV-201101140 ngày 21 tháng 01 năm 2011 có thời hạn là 4 năm với hạn mức là 20.000.000.000 VND, mục đích vay để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Long Sơn. Theo Biên bản làm việc giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 9 vào ngày 11 tháng 6 năm 2014, khoản vay này được gia hạn đến ngày 26 tháng 01 năm 2020. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 17.593.883.733 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 18.073.883.733 VND). Khoản vay không có đảm bảo.
 - Hợp đồng số 6300-LAV-20120100 ngày 15 tháng 6 năm 2009 có thời hạn là 10 năm với hạn mức là 4.200.000.000 VND, mục đích vay để mua 2 xe ép rác. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.929.725.789 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.929.725.789 VND). Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay (2 xe ép rác) để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.6).
- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Mỹ Thành theo Hợp đồng số 6300-LAV 201000303 ngày 18 tháng 5 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng số 6302LAV201100387/PL02 ngày 14 tháng 5 năm 2014 với số tiền vay là 20.000.000.000 VND, mục đích vay để xây dựng hạ tầng Khu tái định cư Long Bửu (giai đoạn 2). Thời hạn vay của Hợp đồng là 36 tháng và được gia hạn đến ngày 18 tháng 5 năm 2020. Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Mỹ Thành phải trả lãi suất theo quy định của Ngân hàng là 1,2%/tháng, không có đảm bảo. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 16.189.500.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 16.289.500.000 VND).
- (iv) Khoản vay dài hạn Quỹ Phát triển Nhà ở thành phố Hồ Chí Minh theo theo Hợp đồng số 02/2009/HỆTD-QPTNO ngày 28 tháng 5 năm 2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2011/PLHỆ-QPTNO ngày 3 tháng 10 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 6158/UBND-ĐTMT ngày 10 tháng 10 năm 2015 với số tiền vay là 84.000.000.000 VND, mục đích vay để xây dựng công trình Chung cư tái định cư Hiệp Phú. Thời hạn vay của Hợp đồng là 36 tháng. Lãi suất vay phải trả cho Hợp đồng nay là 0,84%/tháng và Quỹ Phát triển Nhà ở thành phố Hồ Chí Minh đã ngưng tính lãi từ ngày 8 tháng 8 năm 2012. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ dự án Chung cư tái định cư Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số V.5) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HỆTC-QPTNO ngày 28 tháng 5 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2011/PLHỆ-QPTNO ngày 3 tháng 10 năm 2011 để thế chấp khoản vay này. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 83.707.527.800 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 83.707.527.800 VND).
- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch theo theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1419100061 ngày 10 tháng 7 năm 2014 có thời hạn vay là 3 năm và số tiền vay là 240.000.000.000 VND, lãi suất vay áp dụng theo quy định của Ngân hàng. Mục đích vay để tái tài trợ dự án đầu tư Khu nhà ở Long Sơn tại Phường Long Bình, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền khai thác và công trình trên đất tại khu đất thuộc dự án Khu nhà ở Long Sơn, phường Long Bình, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số V.5). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 175.390.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 225.390.000.000 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng các quỹ trong năm	Chi các quỹ trong năm	Số cuối năm
Năm trước				
Quỹ khen thưởng	-	246.169.000	(130.660.000)	115.509.000
Quỹ phúc lợi	1.252.818.685	2.402.124.030	(798.344.106)	2.856.598.609
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	45.869.407	109.516.667	(69.161.894)	86.224.180
Cộng	1.298.688.092	2.757.809.697	(998.166.000)	3.058.331.789
Năm nay				
Quỹ khen thưởng	115.509.000	206.681.938	(115.509.000)	206.681.938
Quỹ phúc lợi	2.856.598.609	1.860.137.438	(2.477.842.146)	2.238.893.901
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	86.224.180	89.752.656	(89.145.000)	86.831.836
Cộng	3.058.331.789	2.156.572.032	(2.682.496.146)	2.532.407.675

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bán nền tái định cư Long Sơn - Nhận vốn cấp, đền bù	56.692.581.818	56.692.581.818
Bán nền tái định cư Long Sơn - Thu tiền của hộ dân	60.831.714.695	60.831.714.695
Công nợ nhà thuộc sở hữu Nhà nước	2.734.959.108	2.734.959.108
Bán nền tái định cư Long Bửu giai đoạn 1 năm 2009 - Nhận vốn cấp, đền bù	33.262.618.038	45.433.246.612
Bán nền tái định cư Long Bửu giai đoạn 1 năm 2009 - Thu tiền của hộ dân	65.654.920.835	65.654.920.835
Bán nền tái định cư ấp Cầu Xây	7.658.581.461	7.658.581.461
Bán nền tái định cư ấp Cây Dầu	18.661.583.858	18.661.583.858
Bán nền tái định cư Bửu Long giai đoạn 2	44.992.207.908	44.992.207.908
Cộng	290.489.167.721	302.659.796.295

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	322.227.650	178.340.829
Tăng do trích lập	104.248.262	143.886.821
Chi/sử dụng quỹ	-	-
Số cuối năm	426.475.912	322.227.650

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm nay					
Số đầu năm	10.656.920.542	2.245.114.292	1.455.234.263	-	14.357.269.097
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.672.248.184	3.672.248.184
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	902.936.715	(3.660.746.412)	(2.757.809.697)
Giảm khác	-	-	-	(11.501.772)	(11.501.772)
Số cuối năm	10.656.920.542	2.245.114.292	2.358.170.978	-	15.260.205.812
Năm nay					
Số đầu năm	10.656.920.542	2.245.114.292	2.358.170.978	-	15.260.205.812
Kết chuyển tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	2.358.170.978	-	(2.358.170.978)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.695.715.040	2.695.715.040
Trích lập các quỹ	-	-	539.143.008	(2.695.715.040)	(2.156.572.032)
Số cuối năm	13.015.091.520	2.245.114.292	539.143.008	-	15.799.348.820

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Nguồn kinh phí và quỹ khác**

Tình hình biến động của nguồn kinh phí và quỹ khác trong năm và năm trước

	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Năm trước			
Số đầu năm	689.284.570	138.706.916.985	139.396.201.555
Nhận vốn từ NSNN cấp	3.695.413.350	8.729.566.515	12.424.979.865
Kết chuyển nguồn kinh phí cho các dự án	(3.826.455.376)		(3.826.455.376)
Kết chuyển chi phí	-	(42.261.038.410)	(42.261.038.410)
Số cuối năm	558.242.544	105.175.445.090	105.733.687.634
Năm nay			
Số đầu năm	558.242.544	105.175.445.090	105.733.687.634
Nhận vốn từ NSNN cấp	4.534.089.351	-	4.534.089.351
Điều chỉnh giá trị nhà thuộc Sở hữu nhà nước	-	1.963.763.920	1.963.763.920
Kết chuyển nguồn kinh phí cho các dự án	(4.577.685.749)	-	(4.577.685.749)
Bán nhà sở hữu NN	-	(8.494.311.085)	(8.494.311.085)
Số cuối năm	514.646.146	98.644.897.925	99.159.544.071

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây dựng	979.750.308	4.828.468.566
Doanh thu nạo vét hệ thống thoát nước, duy tu, sửa chữa	19.901.753.880	12.912.036.441
Doanh thu công tác vệ sinh môi trường	45.046.820.343	58.556.505.419
Doanh thu chăm sóc công viên, xây xanh	3.864.709.149	4.895.456.319
Doanh thu nhà sở hữu Nhà Nước	1.319.110.304	3.898.868.675
Doanh thu chung cư tái định cư	12.170.628.574	-
Doanh thu khác	6.999.976.322	2.466.057.476
Cộng	90.282.748.880	87.557.392.896

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn xây dựng	1.078.584.156	4.707.942.369
Giá vốn nạo vét hệ thống thoát nước, duy tu, sửa chữa	15.067.538.946	12.510.170.429
Giá vốn công tác vệ sinh môi trường	37.688.730.178	42.893.114.775
Giá vốn chăm sóc công viên, cây xanh	3.722.480.139	3.625.876.346
Giá vốn nhà sở hữu Nhà Nước	1.296.565.808	3.315.726.172
Giá vốn chung cư tái định cư	11.635.120.917	-
Giá vốn khác	5.400.885.643	1.562.723.047
Cộng	<u>75.889.905.787</u>	<u>68.615.553.138</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	249.129.943	322.271.929
Cộng	<u>249.129.943</u>	<u>322.271.929</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.075.844.842	1.436.273.569
Chi phí khác	10.000	-
Cộng	<u>1.075.854.842</u>	<u>1.436.273.569</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	6.842.819.129	7.048.628.408
Chi phí vật liệu quản lý	99.881.545	117.882.000
Chi chí đồ dùng văn phòng	106.864.401	23.995.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.582.117	419.077.996
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	923.861.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.243.656.281	814.137.102
Chi phí bằng tiền khác	1.580.284.097	1.881.953.141
Cộng	<u>10.283.087.570</u>	<u>11.229.535.732</u>

6. Lợi nhuận khác

Lãi thanh lý TSCĐ	84.882.336	503.942.365
Thu nhập khác	7.337.240	346.279
Thu nhập khác	<u>92.219.576</u>	<u>504.288.644</u>

Xử lý chi phí dở dang các dự án đã hoàn thành các năm trước

	-	2.198.985.962
Lãi phạt, phạt thuế	4.200.000	248.032.124
Chi phí khác	356.400	3.232.408
Chi phí khác	<u>4.556.400</u>	<u>2.450.250.494</u>

Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác**87.663.176** **(1.945.961.850)***Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận theo kế toán trước thuế	3.370.693.800	4.652.340.536
Cộng: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	104.248.262	143.886.821
Lợi nhuận theo kế toán trước thuế (chưa bao gồm Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ)	3.474.942.062	4.796.227.357
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.200.000	248.121.224
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	4.200.000	248.121.224
Thu nhập tính thuế	3.479.142.062	5.044.348.581
Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	104.248.262	143.886.821
Thu nhập tính thuế sau khi trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3.374.893.800	4.900.461.760
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	674.978.760	980.092.352
Cộng: Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên số tiền thu được của các dự án bất động sản chưa hoàn thành	(243.412.573)	65.854.787
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	431.566.187	1.045.947.139

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với một số dự án nhà tái định cư chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 2% doanh thu bán dự án tạm thu được đến ngày 30 tháng 9 năm 2012 theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% doanh thu bán dự án tạm thu được từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 và quy định hiện hành.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	29.566.700.192	33.505.742.455
Chi phí nhân công	43.745.569.849	39.639.210.428
Chi phí khấu hao	4.262.525.957	4.031.038.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.569.527.042	6.037.470.553
Chi phí bằng tiền khác	22.214.842.693	32.928.595.665
Cộng	106.359.165.733	116.142.057.119

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc	228.700.729	240.156.791
Chi phí lãi vay phải trả	20.519.452.376	25.782.055.135

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay phải trả các năm trước đã trả trong năm	726.000.000	1.416.937.500

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.056.000.000	1.049.640.000

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	332.553.708.987	383.368.104.864
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(7.788.771.313)	(17.604.428.297)
Nợ thuần	324.764.937.674	365.763.676.567
Vốn chủ sở hữu	114.958.892.891	120.993.893.446
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	282,51%	302,30%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.788.771.313	7.788.771.313	17.604.428.297	17.604.428.297
Phải thu của khách hàng	41.910.717.181	41.910.717.181	47.556.525.049	47.556.525.049
Phải thu khác	18.808.373.458	18.808.373.458	5.364.549.044	5.364.549.044

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Cộng	68.507.861.952	68.507.861.952	70.525.502.390	70.525.502.390
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	21.590.918.543	21.590.918.543	41.225.728.137	41.225.728.137
Chi phí phải trả	65.010.065.323	65.010.065.323	45.623.873.761	45.623.873.761
Phải trả phải nộp khác	478.954.068.916	478.954.068.916	427.792.426.780	427.792.426.780
Các khoản vay	332.553.708.987	332.553.708.987	383.368.104.864	383.368.104.864
Cộng	898.108.761.769	898.108.761.769	898.010.133.542	898.010.133.542

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do Công ty hoạt động kinh doanh ở lĩnh vực bất động sản thuộc sở hữu Nhà nước, cung cấp dịch vụ công ích (thi công xây dựng các dự án tái định cư, dịch vụ công ích...); vốn để đầu tư các dự án, công trình chủ yếu do nhận từ ngân sách Nhà nước và vay ngân hàng, vì vậy, Công ty chịu rủi ro chủ yếu liên quan đến sự thay đổi của lãi suất và rủi ro giá cả trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Hoạt động cung cấp dịch vụ công ích (thu gom, vận chuyển và xử lý rác,...), xây dựng các công trình công ích của Công ty được thực theo chỉ định của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, khách hàng của Công ty là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh, hay các công trình thuộc vốn Ngân sách,... khối lượng và số tiền nợ phải thu được quyết toán hàng quý. Số dư công nợ thường xuyên được đối chiếu, nợ khó đòi phát sinh ít.

Hoạt động kinh doanh bất động sản thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty chủ yếu là thu tiền theo tiến độ của hợp đồng, là các căn hộ thuộc diện tái định cư, không tập trung, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khách hàng là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.788.771.313	-	-	7.788.771.313

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải thu của khách hàng	41.910.717.181	-	-	41.910.717.181
Phải thu khác	18.808.373.458	-	-	18.808.373.458
Cộng	68.507.861.952	-	-	68.507.861.952
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	21.590.918.543	-	-	21.590.918.543
Chi phí phải trả	65.010.065.323	-	-	65.010.065.323
Phải trả phải nộp khác	90.807.087.116	388.146.981.800		478.954.068.916
Các khoản vay	30.000.000.000	302.553.708.987		332.553.708.987
Cộng	207.408.070.982	690.700.690.787	-	898.108.761.769
Chênh lệch thanh khoản thuần	(138.900.209.030)	(690.700.690.787)		- (829.600.899.817)
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.604.428.297	-	-	17.604.428.297
Phải thu của khách hàng	47.556.525.049	-	-	47.556.525.049
Phải thu khác	5.364.549.044	-	-	5.364.549.044
Cộng	70.525.502.390	-	-	70.525.502.390
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	41.225.728.137	-	-	41.225.728.137
Chi phí phải trả	45.623.873.761	-	-	45.623.873.761
Phải trả phải nộp khác	89.671.484.980	338.120.941.800		427.792.426.780
Vay và nợ	30.000.000.000	353.368.104.864		383.368.104.864
Cộng	206.521.086.878	691.489.046.664	-	898.010.133.542
Chênh lệch thanh khoản thuần	(135.995.584.488)	(691.489.046.664)		- (827.484.631.152)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Trình bày lại

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi tiết như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Bảng cân đối kế toán**

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số cuối năm (Được trình bày lại)
Các khoản tương đương tiền	1.289.121.035	(270.907.491)	1.018.213.544
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	7.749.009.537	7.749.009.537
Phải thu ngắn hạn khác	41.440.671.029	(7.478.102.046)	33.962.568.983

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Được trình bày lại)
Lãi từ hoạt động đầu tư	(657.874.999)	(168.339.295)	(826.214.294)
Giảm các khoản phải thu	840.163.057	7.478.102.046	8.318.265.103
Tăng hàng tồn kho	(36.296.968.249)	24.470.951.285	(11.826.016.964)
Tăng các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	38.153.597.696	(21.000.999.795)	17.152.597.901
Tiền lãi vay đã trả	-	(4.270.148.569)	(4.270.148.569)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	3.695.413.350	3.695.413.350
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.807.746.000)	(3.016.875.376)	(4.824.621.376)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	880.000.000	19.090.909	899.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(7.478.102.046)	(7.478.102.046)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN THÀNH TUẤN
Giám đốc

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG
Kế toán trưởng

TRẦN TRUNG CHÂN
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính